TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/01/2026
V/v Ly hôn, nuôi con chung với người mất tích

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Tập và bà Triệu Thị Hiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyến - Thẩm tra Viên - Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Hà Trọng Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 01/2026/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị D, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn K, xã B, tỉnh Thái Nguyên (Thôn K, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn cũ). (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Giàng A H, sinh năm 1996.

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên (Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cũ). (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn, quá trình tố tụng chị Lý Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị D và anh Giàng A H trên cơ sở quen biết, tìm hiểu tình cảm yêu đương rồi báo cáo với bố mẹ hai bên gia đình, được bố mẹ hai bên gia đình đồng ý cho chị D và anh H tìm hiểu tình cảm và được qua lại với hai bên

gia đình được một thời gian, sau đó chị D và anh H quyết định đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, chị D với anh H được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Nay là xã N, tỉnh Thái Nguyên) vào ngày 06/10/2016. Sau khi kết hôn chị D và anh H chung sống với nhau tại thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Nay là thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên). Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, thời gian về sau vợ chồng không còn đồng lòng cố gắng, do anh H dẫn đến thể hiện lối sống buông thả, ham chơi không quan tâm đến công việc trách nhiệm gia đình nữa. Nên đến đầu năm 2017 vào một buổi sáng anh H đã bỏ nhà ra đi không thấy về nữa nên tất cả việc nhà sinh hoạt hằng ngày và việc chăm sóc con cái đều do chị D tự lo liệu. Cuộc hôn nhân không còn sự đồng hành chia sẻ mà chỉ còn lại gánh nặng lên vai chị D, sự vô trách nhiệm kéo dài khiến chị D dần mất tình cảm về anh H ngày càng dạt nứt, không thể hàn gắn nữa nên chị Lý Thị D đã có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Giàng A H mất tích. Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên đã thông báo tìm kiếm anh Giàng A H trên thông tin đại chúng và các trang báo trung ương nhưng vẫn không có tin tức gì của anh H. Ngày 25/7/2025 Tòa án nhân dân Khu vực 7- Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 01/2025/QĐST-VDS tuyên bố anh Giàng A H mất tích.

Kể từ khi Toà án nhân dân Khu vực 7 có Quyết định tuyên bố anh Giàng A H mất tích cho đến nay, chị D và gia đình không thấy anh H xuất hiện tại địa phương, không nhận được thông tin về anh H. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị D được ly hôn anh Giàng A H.

Về con chung: Chị D và anh H có 01 con chung tên là: Giàng Ngọc X - sinh ngày 16/4/2016, hiện nay con chung đang chung sống cùng chị D và ông bà ngoại tại thôn K, xã B, tỉnh Thái Nguyên, con chung ăn ở học tập khoẻ mạnh phát triển bình thường. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầuTòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Giàng A H đã bỏ đi và đã có Quyết định tuyên bố mất tích số 01/2025/QĐST-VDS ngày 25/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên và trong quá trình tố tụng không có mặt tại Toà án để làm việc.

Tại Quyết định tuyên bố mất tích số 01/2025/QĐST-VDS ngày 25/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên đã tiến hành thông báo tìm kiếm anh H theo quy định của pháp luật. Nên sau khi thụ lý vụ án về ly hôn, nuôi con chung. Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên đã tiến hành thủ tục gửi, giao, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân xã N

– Thái Nguyên, Toà án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên theo các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng anh Giàng A H vẫn vắng mặt. Toà án tiến hành lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải giữa chị D với anh H theo Điều 207/BLTTDS.

Qua kết quả xác minh tại thôn N, xã N - Thái Nguyên. Tiến hành lấy lời khai gia đình chị D và anh H. Thấy anh H tại thời điểm hiện nay có đăng ký thường trú cuối cùng tại thôn N, xã N. Từ năm 2017 anh H đã bỏ nhà ra đi khỏi gia đình và địa phương. Mặc dù gia đình, bà con trong thôn và chính quyền địa phương đã dùng các biện pháp tìm kiếm nhưng đến nay không ai biết tin tức anh H ở đâu, làm gì ngược lại anh H không có tin tức với gia đình vợ con không thông báo với thôn, chính quyền địa phương được biết anh H đang ở đâu, làm gì. Chị D và gia đình hoàn toàn mất liên lạc với anh H đã nhiều lần thông báo, tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có kết quả. Sau khi có Quyết định của Tòa án về việc tuyên bố anh Giàng A H mất tích đến nay. Chị D và gia đình không thấy anh H quay trở về với gia đình vợ con, hoặc xuất hiện tại địa phương. Nay xác định anh H vắng mặt tại địa phương nơi cư trú hoặc mất tích.

Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên không có căn cứ anh H có địa chỉ mới. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập. Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn khởi kiện và đơn xin xét xử vắng mặt chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về ly hôn, nuôi con chung với anh Giàng A H. Không đề nghị Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung.

*** Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Của Thẩm phán - Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025). Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị D. Cho chị D được ly hôn anh H.

+ Về con chung: Giao cho chị Lý Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Giàng Ngọc X- sinh ngày 16/4/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi thật cần thiết các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc đề nghị cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, đơn xin miễn án phí của chị D. Cho nguyên đơn được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, đại diện viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn có đăng ký nơi thường trú tại xã B - Thái Nguyên, bị đơn có đăng ký nơi thường trú tại xã N, tỉnh Thái Nguyên. Bị đơn anh Giàng A H là người bị Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên tuyên bố mất tích, quá trình Tòa án xác minh thu thập chứng cứ xác định nơi cư trú cuối cùng của anh Giàng A H là thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên nên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025) Điều 68 Bộ luật dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Ngày 22/10/2025 Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên thụ lý vụ án. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành gửi, giao và niêm yết các văn bản tố tụng theo các Điều 175,177, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Toà án không lấy lời khai của bị đơn, không hoà giải được là do bị bị đơn vắng mặt tại địa phương đồng thời nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải theo Điều 207/ BLTTDS. Toà án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo khoản 2 Điều 208/BLTTDS.

Qua kết quả xác minh tại gia đình và địa phương thấy sau ngày 25/7/2025 Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 01/2025/QĐST-VDS tuyên bố anh Giàng A H mất tích. Sau khi có Quyết định tuyên bố anh Giàng A H mất tích đến nay, gia đình chị D không thấy anh H xuất hiện tại địa phương và gia đình. Chị D và gia đình không nhận được thông tin về anh H. Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Giàng A Hồng Đ 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị Lý Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Xác định là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết; anh H thuộc diện tuyên bố mất tích nên áp dụng Điều 68/BLDS để giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh H có hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã N – Thái Nguyên (UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn cũ) vào ngày 06/10/2016 (thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số: 20 ngày 06/10/2016). Trong quá trình chung sống ban đầu, gia đình anh chị hạnh phúc. Nhưng đến năm 2017 thì anh H đã bỏ nhà đi khỏi địa phương và gia đình cũng không biết anh H đi làm gì, ở đâu, còn sống hoặc chết. chị D đã có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh H mất tích. Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên đã thông báo tìm kiếm anh H trên thông tin đại chúng và các trang báo trung ương nhưng vẫn không có tin tức gì của anh H. Ngày 25/7/2025 Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 01/2025/QĐST-VDS tuyên bố anh H mất tích.

Kể từ khi có Quyết định của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên tuyên bố anh H mất tích cho đến nay, chị D cũng như gia đình không ai thấy anh H xuất hiện tại địa phương và gia đình, chị D không nhận được thông tin về anh H. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị D khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thái Nguyên giải quyết cho chị D được ly hôn anh H.

Trong quá trình tố tụng mặc dù Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng anh H không có mặt tại địa phương hoặc mất tích nên Tòa án không ghi được ý kiến của anh H về việc chị D xin ly hôn, nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy việc anh H bỏ chị D và gia đình đi khỏi địa phương, không cùng với chị D vun vén, tạo dựng gia đình hạnh phúc, để một mình chị D tự nuôi dạy 01 (một) con chung và tìm kiếm anh H từ năm 2017 đến nay, thấy việc anh H không còn quan tâm liên lạc, không có thiện chí quay về đoàn tụ với chị D và con.

Xét thấy chị D đề nghị Toà án xét xử vắng mặt anh H và chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị D nhất quyết xin được ly hôn anh H theo quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định như sau:

"...2. Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn... "

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự quy định như sau:

"...2. Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị tuyên bố mất tích xin ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình "

Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị D xin được ly hôn anh H là phù hợp với khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự nêu trên.

Về nuôi con chung: Xác định vợ chồng chị D và anh H có 01 con chung tên là Giàng Ngọc X - sinh ngày 16/4/2016. Hiện nay con đang ở với chị D và bà ngoại (tại

thôn K, xã B, tỉnh Thái Nguyên).

Xét về điều kiện nuôi con chung: Khi ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung đến khi đủ 18 tuổi. Qua xác minh với thôn N, xã N ngày 27/10/2025, với Công an xã N ngày 27/10/2025 và làm việc ủy ban nhân dân xã N ngày 11/11/2025; tại công văn số: 224/CAQB, ngày 18/11/2025 của Công an xã Q về việc trả lời xác minh thông tin nơi cư trú của công dân, biên bản lấy lời khai của gia đình thấy rằng. Anh Giàng A H nơi cư trú cuối cùng: Thôn N, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Nay là thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi có quyết định số: 01/2025/QĐST-VDS, ngày 25/7/2025 của TAND khu vực 7 – Thái Nguyên thì gia đình, thôn, chính quyền địa phương vẫn không có tin tức gì về anh H, không rõ anh H đi đâu, làm gì, còn sống hoặc đã chết. Và không nắm biết được địa chỉ mới hiện tại anh H ở đâu. Nên thấy tình trạng hôn nhân hiện nay của chị D và anh H, anh H không có mặt tại địa phương và gia đình, điều kiện sinh sống học tập của con chung hiện nay đang ở với chị D và ông bà ngoại ăn ở học tập, khỏe mạnh phát triển tốt. Ông bà ngoại có ý kiến trường hợp chị D được ly hôn anh H thì ông bà ngoại nhất trí việc chị D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, ông, bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ, giúp đỡ các điều kiện ăn ở sinh hoạt, học tập để chăm nom, chăm sóc cho con chung của chị D và anh H. Nhất trí cho 02 mẹ con ở cùng nhà với ông, bà ngoại bình thường và để chị D có thể đi làm ăn xa nhà…”

Do vậy việc giao con chung cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung dến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đơn xin miễn án phí của chị D. Chị D được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị D xin được ly hôn anh Giàng A H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị D được ly hôn Giàng A H.

- Về con chung: Giao cho chị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Giàng Ngọc X - sinh ngày 16/4/2016 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng : Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm đ Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. đơn xin miễn án phí của chị D. Chị Lý Thị D được miễn 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Khu vực -7 Thái Nguyên;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Thái Nguyên;
- UBND xã Nam Cường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Cạn